

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 -11- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm;
2. Ông Võ Cư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hòa- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên toà:
Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1980;
Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
2. *Bị đơn:* Anh Trần Phi N2, sinh năm 1980;
Địa chỉ: thôn A, xã Phổ N, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/ 7/ 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đinh Thị N1 trình bày:

Chị và anh Trần Phi N2 có tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào ngày 25 tháng 9 năm 2000. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn và cãi vã thường xuyên. Nguyên nhân do anh N2 thường nhậu về đánh đập chị một cách vô cớ; chị đã nhiều lần tha thứ, cố gắng chịu đựng vì các con. Vào đầu năm 2019, chị đã nộp đơn ly hôn, sau khi hòa giải thì anh N2 hứa thay đổi, nên chị rút đơn khởi kiện về chung sống, nhưng anh N2 vẫn chứng nào tật đó; đánh đập chị nhiều hơn. Mâu thuẫn giữa chị và anh N2 là trầm trọng không có hướng khắc phục. Hiện anh, chị phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến nhau. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Trần Phi N2.

Về con chung: có 05 con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 11/11/1999; Trần Quý T1, sinh ngày 10/06/2002; Trần Quốc T2, sinh ngày 20/08/2005; Trần Quốc B, sinh ngày 17/03/2013 và Trần Duy T3, sinh ngày 09/12/2007; khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Trần Quý T1; Trần Quốc T2; Trần Quốc B và Trần Duy T3, chị yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi con Trần Quốc T2 và Trần Quốc B2 mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Cháu Q đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị có công việc bán bánh xèo còn anh N1 làm nghề thợ hồ cả hai đều có thu nhập.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019, bị đơn là anh Trần Phi N2 trình bày: Anh và chị Đinh Thị N1 kết hôn vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại thị trấn Đ. Quá trình chung sống đôi khi vợ chồng có cãi vã với nhau và dẫn đến anh có đánh đập chị Nghĩa. Nên giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nay, chị N2 yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh chị có khả năng hàn gắn mâu thuẫn để chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung như chị N1 khai. Các con chung hiện anh chị đang nuôi dưỡng. Nay, chị N1 yêu cầu nuôi dưỡng 04 con chưa thành niên anh không đồng ý.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị N1, cho chị Nghĩa được ly hôn anh Trần Phi N2.

Về con chung: Đề nghị giao 04 con chung Trần Quý T1, sinh ngày 10/06/2002; Trần Quốc T2, sinh ngày 20/08/2005; Trần Quốc B, sinh ngày 17/03/2013 và Trần Duy T3, sinh ngày 09/12/2007 cho chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Trần Thị Kim Q đã thành niên không có yêu cầu gì nên không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị buộc anh N2 phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quốc T2 và Trần Quốc B mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi cháu T2, cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 02/7/2019 chị Đinh Thị N1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Phi N2 có cư trú tại thôn An Điền, xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Trần Phi N2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh N2 vắng mặt không có lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Đinh Thị N1 và anh Trần Phi N2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào năm 2000, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến anh Nhứt thường gây gổ và đánh đập chị N1; bản thân anh N2 thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ, con. Chị N1 đã nộp đơn ly hôn anh N2, nhưng sau đó chị rút đơn về đoàn tụ chung sống; nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 28/02/2019, nhưng anh chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Anh N2 có hành vi bạo lực gia đình khi đánh chị N1 làm cho mâu thuẫn kéo dài không có hướng khắc phục. Anh N2 không đồng ý ly hôn vì cho rằng hôn nhân của anh chị có thể hàn gắn được. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

nhều lần triệu tập để tham gia hòa giải để anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con chung, nhưng anh N2 lại không đến Tòa án. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N1 và anh N2 ngày càng trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Đinh Thị N1 được ly hôn anh Trần Phi N2.

[3] Về con chung: có 05 con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 11/11/1999 đã lập gia đình; Trần Quý T1, sinh ngày 10/06/2002; Trần Quốc T2, sinh ngày 20/08/2005; Trần Quốc B, sinh ngày 17/03/2013 và Trần Duy T4, sinh ngày 09/12/2007; khi ly hôn chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi 04 con chung chưa thành niên. Anh N2 không đồng ý nhưng không đưa ra lý do. Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ anh N2, anh N2 thì thường đi sớm về muộn, mỗi khi nhậu về gây gổ đánh chị N1 làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của các cháu. Chị N1 là người trực tiếp chăm lo cho các con chung. Cháu Trần Quốc B (06 tuổi), từ nhỏ đã sống với chị N1, với độ tuổi này cháu B đang trong giai đoạn hình thành nhân cách. Cháu Trần Duy T3 dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị N1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với cháu Trần Quốc T1, cháu Trần Quốc T2 đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, Hội đồng xét xử nghị nên giao các con chung chưa thành niên cho chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh N2 làm thợ hồ có thu nhập, việc chị N1 yêu cầu anh N2 phải cấp dưỡng nuôi cháu T2, cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu cho đến khi cháu T2, cháu B đủ 18 tuổi là có căn cứ nên được chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/11/2019. Cháu Trần Thị Kim Q đã thành niên, không có yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Đinh Thị N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Phi N2 phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị N1 được ly hôn anh Trần Phi N2.
2. Về con chung: Giao các cháu Trần Quý T1, sinh ngày 10/06/2002; Trần Quốc T2, sinh ngày 20/08/2005; Trần Quốc B, sinh ngày 17/03/2013 và Trần Duy T3, sinh ngày 09/12/2007 cho chị Đinh Thị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh N2 phải cấp dưỡng nuôi cháu T2, cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu cho đến khi cháu T2, cháu B đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/11/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh Trần Phi N2 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Đinh Thị N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ số tiền tạm phí chị N1 đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số AA/2014/0004164 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ. Anh Trần Phi N2 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Phi N2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Sang

